



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ THỐNG THÔNG TIN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86 - 25/2025 ngày 11 tháng 10 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sài Gòn)

Ngành, nghề:	Hệ thống thông tin
Mã ngành, nghề:	6320201
Trình độ đào tạo:	Cao Đẳng
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian khóa học:	2 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Hệ thống thông tin thuộc nhóm ngành Công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, cùng với năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Chương trình trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hệ thống thông tin. Sinh viên được đào tạo để trở thành các lập trình viên có đủ năng lực làm việc trong ngành công nghiệp phần mềm.

Sinh viên theo học chương trình sẽ được rèn luyện khả năng sử dụng thành thạo các ngôn ngữ lập trình phổ biến (như PHP, C#, ReactJs...) và hệ quản trị cơ sở dữ liệu (SQL Server, MySQL...) để xây dựng các ứng dụng và website hoàn chỉnh. Ngoài ra, sinh viên còn được phát triển các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, giao tiếp và lãnh đạo trong môi trường học tập và thực tập. Chương trình cũng giúp sinh viên hiểu nguyên tắc tự học, tự duy phản biện và giải quyết vấn đề để thích ứng với sự thay đổi của công việc, cùng với việc vận dụng đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm trong quá trình làm việc.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có chuyên môn công việc, đáp ứng yêu cầu kinh tế xã hội của đất nước; đào tạo ra các lập trình viên có đủ năng lực làm việc trong ngành công nghiệp phần mềm; có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hệ thống thông tin và kiến thức về kinh doanh quản lý; thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ trong lĩnh vực chuyên môn và có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường làm việc trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc trong các công ty phát triển phần mềm.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Thành thạo kỹ thuật lập trình và quản trị cơ sở dữ liệu; sử dụng tốt các ngôn ngữ (PHP, Java, ReactJs...) và hệ quản trị CSDL (SQL Server, MySQL...) để xây dựng ứng dụng/website hoàn chỉnh.
- Làm chủ một số ngôn ngữ lập trình và hệ quản trị CSDL phổ biến hiện nay, củng cố năng lực phát triển phần mềm trên nền tảng thông dụng.
- Sử dụng được các công cụ thiết kế giao diện và công cụ phát triển hệ thống thông tin để xây dựng ứng dụng/website hoàn chỉnh.



- Phát triển năng lực cá nhân và kỹ năng nghề nghiệp: làm việc nhóm, giao tiếp, (lãnh đạo cơ bản); hiểu nguyên tắc tự học, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề; vận dụng đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm trong công việc.
- Áp dụng kiến thức nền tảng và kỹ năng bổ trợ: kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, văn hóa-xã hội, quốc phòng-an ninh; nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm cá nhân; sử dụng tin học văn phòng và ngoại ngữ bậc 2/6 để phục vụ học tập và thực tập.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Nhà phát triển phần mềm/ứng dụng
 - Kỹ sư ứng dụng
 - Lập trình viên Java
 - Kỹ sư phần mềm
 - Chuyên viên phát triển phần mềm
- Nhà phát triển web
 - Nhà phát triển Front-end
 - Quản trị viên website
 - Lập trình viên web
- Nhân viên bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật
 - Quản trị viên hỗ trợ khách hàng
 - Kỹ thuật viên
 - Chuyên viên hỗ trợ kỹ thuật
- Kiểm thử phần mềm
 - Nhân viên kiểm thử phần mềm

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2370 giờ, 84 tín chỉ
- Số lượng môn học, mô đun: 25
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435 giờ, 19 tín chỉ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1935 giờ, 65 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 652 giờ; thực hành, thực tập: 1650 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Hiểu biết về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng và an ninh.
2	NLCB-02	Sử dụng thành thạo ngoại ngữ (bậc 2/6 theo khung năng lực VN) và các công cụ tin học văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) để hỗ trợ học tập và làm việc
3	NLCB-03	Hiểu và áp dụng nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tư duy phản biện và kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường dữ liệu và công nghệ.
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	

4	NLCL-01	Thu thập yêu cầu, phân tích nghiệp vụ, mô hình hóa dữ liệu và quy trình, thiết kế kiến trúc hệ thống thông tin phù hợp với mục tiêu vận hành và quản lý của tổ chức/doanh nghiệp.
5	NLCL-02	Lập trình, xây dựng giao diện, kiểm thử và triển khai các phần mềm ứng dụng trên nền tảng web, desktop và di động bằng các ngôn ngữ và công nghệ hiện đại.
6	NLCL-03	Thiết kế, xây dựng, truy vấn, bảo trì và tối ưu cơ sở dữ liệu; phân tích và xử lý dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định trong hệ thống thông tin.
7	NLCL-04	Áp dụng kiến thức về lập trình, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin vào các bài toán quản lý trong doanh nghiệp
8	NLCL-05	Cài đặt, cấu hình, vận hành, kiểm thử và bảo trì hệ thống thông tin; đảm bảo an toàn, bảo mật và tính ổn định trong suốt vòng đời hệ thống.
III Năng lực nâng cao		
9	NLNC-01	Thiết kế và phát triển ứng dụng chạy trên nhiều nền tảng (web, Android, iOS) bằng công nghệ như Flutter hoặc React Native
10	NLNC-02	Thiết kế giải pháp kết nối giữa các hệ thống qua giao diện lập trình ứng dụng (RESTful API), tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn phục vụ nghiệp vụ
11	NLNC-03	Cấu hình, giám sát, kiểm thử và bảo mật hệ thống mạng, ứng dụng các kỹ thuật tường lửa, phân quyền và mã hóa dữ liệu
12	NLNC-04	Làm việc nhóm theo quy trình phát triển phần mềm, thực hiện dự án CNTT từ khảo sát đến vận hành thử trong bối cảnh doanh nghiệp

6. Nội dung chương trình

TT	Mã MH, MĐ	Tên môn học	Tín chỉ	Tổng giờ	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
1	POLI1322	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	PCLW1201	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	NDED1211	Giáo dục quốc phòng	3	75	36	35	4
4	PHED1021	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
5	CAPP1121	Tin học	3	75	15	58	2
6	ENFD1224	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
	II	Các môn học, mô đun chuyên môn	65	1935	495	1395	45
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở	21	555	195	342	18
7	ENFD1225	Tiếng Anh tiền trung cấp	4	90	45	42	3
8	OSFD1211	Nhập môn Hệ thống thông tin	3	75	30	42	3
9	DATA1215	Cơ sở dữ liệu	3	75	30	42	3
10	UIUX1211	Thiết kế giao diện người dùng	3	75	30	42	3
11	JAVA1211	Lập trình Java	3	75	30	42	3
12	WEBD1218	Thiết kế Web	3	75	30	42	3
13	OSPJ1021	Đồ án cơ sở hệ thống thông tin	2	90	0	90	0
	II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	26	750	210	522	18
14	ENFD1226	Tiếng Anh trung cấp	4	90	45	42	3
15	CPIT2311	Tin học ứng dụng chuyên ngành	4	90	45	42	3
16	PRGR2217	Lập trình hướng đối tượng	3	75	30	42	3

17	DATA2217	Quản trị Database Server	3	75	30	42	3
18	DATA2216	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	75	30	42	3
19	WEBD1218	Lập trình Web	3	75	30	42	3
20	OSPJ2022	Đồ án chuyên ngành	2	90	0	90	0
21	OSIT2041	Thực tập chuyên ngành	4	180	0	180	0
	II.3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao	18	630	90	531	9
22	ENCP2222	Tiếng Anh Tin học	4	120	30	87	3
23	IFST2216	An toàn và bảo mật thông tin	3	75	30	42	3
24	IFST2217	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	75	30	42	3
25	OSCO2083	Thực tập tốt nghiệp	8	360	0	360	0
	Tổng cộng		84	2370	652	1650	68

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung

Chương trình môn học chung Pháp luật, Chính trị, Giáo dục thể chất, Tin học văn phòng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, được sử dụng để giảng dạy.

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh được tổ chức thực hiện, liên kết với Trường Quân sự Quân khu 7.

7.2. Các hoạt động ngoại khóa

Một năm học có 3 học kỳ. Thời gian học của mỗi học kỳ là 15 tuần bao gồm thời gian kiểm tra và thi. Giữa mỗi học kỳ có 2-3 tuần nghỉ. Thời gian nghỉ Tết là 3 tuần.

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa, vào thời điểm thích hợp.

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học

Căn cứ quy chế Tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của Trường Cao đẳng Sài Gòn, thời gian tổ chức kiểm tra kết thúc môn học theo hướng dẫn cụ thể theo từng môn học và theo kế hoạch đào tạo của trường cụ thể cho từng học kỳ và từng năm học.

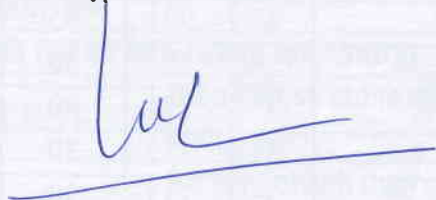
Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá môn học được xác định cụ thể và có hướng dẫn trong đề cương môn học.

7.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề; tích lũy đủ số tín chỉ quy định và có điểm trung bình tích lũy từ 2.0/4.0 trở lên được công nhận tốt nghiệp.

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG



Tôn Thất Tín

PHÓ TRƯỞNG KHOA



Lê Ngọc Quốc